

Số: 199/QĐ-BV

Việt Trì, ngày 19 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành giá dịch vụ khám chữa bệnh theo hình thức xã hội hóa

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN MẮT TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 3064/QĐ-UBND ngày 16 tháng năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý ;

Căn cứ Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2023-2025 ;

Căn cứ Quyết định số 2975/QĐ-SYT ngày 13/1/2017 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Thọ về việc ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và công chức, viên chức trong đơn vị trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-BVM ngày 30/11/2020 của Giám đốc Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ về việc ban hành phương án tài chính dịch vụ khám chữa bệnh, dịch vụ y tế khác chất lượng cao theo hình thức xã hội hóa;

Căn cứ Quyết định số 189/QĐ-BVM ngày 29/10/2021 sửa đổi giá dịch vụ tập nhuộc thị;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-BVM ngày 22/02/2022 ban hành giá dịch vụ tiêm nội nhãn theo hình thức xã hội hóa;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-BV ngày 17/11/2023 của Giám đốc Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ về việc thực hiện giá dịch vụ Khám bệnh, chữa bệnh BHYT theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023;

Căn cứ Quyết định số 200/QĐ-BV ngày 19/12/2023 của Giám đốc Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ về việc thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế mà không phải là dịch vụ khám

bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý theo nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành giá dịch vụ khám chữa bệnh theo hình thức xã hội hóa.

(Có bảng giá cụ thể đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ 20/12/2023.

Quyết định này thay thế Quyết định số 178/QĐ-BVM ngày 30/11/2020.

Trưởng phòng Kế hoạch chỉ đạo tuyến, Trưởng phòng Tài chính - kế toán và bộ phận liên quan căn cứ quyết định thực hiện.

Nơi nhận:

- BGĐ (Chỉ đạo);
- Các khoa, phòng (thực hiện)
- BHXH tỉnh
- Lưu: KT, VT.



Nguyễn Thanh Hải

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
BỆNH VIỆN MẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁ DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH THEO HÌNH THỨC XÃ HỘI HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ- BVM ngày 19/12/2023 của Giám đốc Bệnh viện Mắt)

ST T	Tên dịch vụ	Giá yêu cầu thường	Giá yêu cầu trộn gói
A	KHÁM BỆNH		
1	Công khám		200.000
B	NGÀY GIƯỜNG		
1	Giường yêu cầu loại 1		
	Giường nội khoa loại 2 hạng 2 -Khoa Mắt	502.700	
	Giường ngoại khoa loại 2 hạng 2 -Khoa Mắt	572.100	
	Giường ngoại khoa loại 3 hạng 2 -Khoa Mắt	544.700	
	Giường ngoại khoa loại 4 hạng 2 -Khoa Mắt	512.100	
2	Giường yêu cầu loại 2		
	Giường nội khoa loại 2 hạng 2 -Khoa Mắt	382.700	
	Giường ngoại khoa loại 2 hạng 2 -Khoa Mắt	452.100	
	Giường ngoại khoa loại 3 hạng 2 -Khoa Mắt	424.700	
	Giường ngoại khoa loại 4 hạng 2 -Khoa Mắt	392.100	
3	Giường yêu cầu loại 3		
	Giường nội khoa loại 2 hạng 2 -Khoa Mắt	282.700	
	Giường ngoại khoa loại 2 hạng 2 -Khoa Mắt	352.100	
	Giường ngoại khoa loại 3 hạng 2 -Khoa Mắt	324.700	
	Giường ngoại khoa loại 4 hạng 2 -Khoa Mắt	292.100	
C	CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT		
I	Phẫu thuật		
I	Yêu cầu thường		
	Phẫu thuật loại đặc biệt, loại I		
1	Cắt u kết mạc không vá	3.255.000	
2	Ghép giác mạc (01 mắt)	5.824.000	
3	Khâu củng mạc đơn thuần	3.314.000	
4	Khâu củng giác mạc phức tạp	3.734.000	
5	Khâu củng mạc phức tạp	3.612.000	
6	Khâu giác mạc đơn thuần	3.264.000	
7	Khâu giác mạc phức tạp	3.612.000	
8	Lấy dị vật tiền phòng	3.612.000	
9	Nối thông lệ mũi 1 mắt	3.540.000	
10	Phẫu thuật cắt bẻ	3.604.000	
11	Phẫu thuật cắt thủy tinh thể	3.712.000	
12	Phẫu thuật đặt ống Silicon tiền phòng	4.012.000	
13	Phẫu thuật đục thủy tinh thể bằng phương pháp Phaco (01 mắt)	5.154.000	
14	Phẫu thuật lác có Faden (1 mắt)	3.293.000	

ST T	Tên dịch vụ		Giá yêu cầu thường	Giá yêu cầu trọn gói
15	Phẫu thuật lấy thủy tinh thể ngoài bao, đặt IOL+ cắt bè (1 mắt)		4.312.000	
16	Phẫu thuật sụp mí (1 mắt)		3.804.000	
17	Phẫu thuật tái tạo lệ quản kết hợp khâu mí		4.012.000	
18	Phẫu thuật thủy tinh thể ngoài bao (1 mắt)		4.134.000	
19	Rạch góc tiền phòng		3.612.000	
20	Tách dính mí cầu ghép kết mạc		4.723.000	
21	Phẫu thuật điều trị sa trĩ mí dưới		4.412.000	
	Phẫu thuật loại II			
22	Cắt bỏ túi lệ		2.872.000	
23	Gọt giác mạc		2.802.000	
24	Khâu phục hồi bờ mí		2.737.000	
25	Khoét bỏ nhãn cầu		2.772.000	
26	Lấy dị vật hốc mắt		2.937.000	
27	Mỏ quặm 1 mí - gây tê		2.660.000	
28	Mỏ quặm 2 mí - gây tê		2.877.000	
29	Mỏ quặm 3 mí - gây tê		3.112.000	
30	Mỏ quặm 4 mí - gây tê		3.291.000	
31	Mở tiền phòng rửa máu hoặc mủ		2.772.000	
32	Mức nội nhãn (có độn hoặc không độn)		2.561.000	
33	Phẫu thuật cắt bao sau		2.622.000	
34	Phẫu thuật cắt màng đồng tử		2.970.000	
35	Phẫu thuật cắt mộng ghép màng ối, kết mạc - gây tê		3.007.000	
36	Phẫu thuật cắt mộng mắt chu biên		2.538.000	
37	Phẫu thuật đặt IOL (1 mắt)		3.988.000	
38	Phẫu thuật hẹp khe mí		2.687.000	
39	Phẫu thuật mộng đơn thuần một mắt - gây tê		2.902.000	
40	Phẫu thuật mộng ghép kết mạc tự thân		2.872.000	
41	Mộng tái phát phức tạp có ghép màng ối kết mạc		2.972.000	
42	Phẫu thuật tạo mí (1 mắt)		2.872.000	
43	Phẫu thuật tạo mí (2 mắt)		3.137.000	
44	Phẫu thuật u kết mạc nông		2.737.000	
45	Phủ kết mạc		2.660.000	
	Phẫu thuật loại III			
46	Chích mủ hốc mắt		1.973.000	
47	Khâu cò mí		1.919.000	
48	Phẫu thuật lác (1 mắt)		2.272.000	
49	Phẫu thuật lác (2 mắt)		2.688.000	
I.2	Yêu cầu trọn gói			
1	Phẫu thuật phối hợp (Phẫu thuật đục thủy tinh thể bằng phương pháp Phaco+cắt bè củng mạc+cắt mộng mắt chu biên)			9.500.000

ST T	Tên dịch vụ	Giá yêu cầu thường	Giá yêu cầu trộn gói
2	Phẫu thuật đục thủy tinh thể bằng phương pháp Phaco		8.700.000
3	Phẫu thuật Glacom (cắt bè củng mạc+cắt mỏng mắt chu biên)		5.000.000
4	Phẫu thuật mộng, quặm, cắt u mi, u da mi, u kết mạc, cắt da thừa		2.700.000
5	Phẫu thuật tạo mí		2.300.000
6	Phẫu thuật trên hệ thống máy hiện đại		450.000

II Thủ thuật

1	Lấy dị vật kết mạc nông một mắt	70.000	
2	Lấy dị vật giác mạc nông, một mắt (gây tê)	100.000	
3	Lấy dị vật giác mạc sâu, một mắt (gây tê)	350.000	
4	Thông lệ đạo hai mắt	100.000	
5	Thông lệ đạo một mắt	70.000	
6	Chích chấp hoặc lẹo	100.000	
7	Đốt lông xiêu	50.000	
8	Rửa cùng đồ (1 mắt hoặc 2 mắt)	50.000	
9	Cắt chỉ	50.000	
10	Lấy sạn vôi kết mạc	50.000	
11	Nặn tuyến bờ mi	50.000	
12	Đo tính công suất thủy tinh thể nhân tạo	200.000	
13	Đo nhãn áp	30.000	
14	Đo thị trường, ám điểm	220.000	
15	Chụp cắt lớp võng mạc (OCT)	485.000	
16	Tập nhược thị (Buổi)	80.000	
17	Tiêm nội nhãn	200.000	